TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 45/2021/HSST
Ngày: 27/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký Toà án.

Hôm nay, ngày 27/5/2021, tại Trụ sở TAND huyện Khoái Châu mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/HSST ngày 06 tháng 05 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo: **Trần Văn A**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn B và bà Lê Thị N; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ 3; Vợ, con: chưa có.

Nhân thân: Ngày 31/7/2017, bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây mất trật tự công cộng;

Ngày 01/8/2018, bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc;

Tiền án: Ngày 09/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 01 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/11/2017;

Ngày 14/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 02 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2020.

Tiền sự: Không.

Trần Văn A bị bắt tạm giam ngày 09/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa)

****/ Những người bị hại:***

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1961; (Có mặt)

2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1959; (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**** Những người làm chứng*:**

1. Anh Vũ Đức Q, sinh năm 1985.

2. Ông Vũ Đức T, sinh năm 1968.

Đều trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt).

3. Cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 17/10/2005. Người giám hộ cho cháu Y là bố mẹ đẻ của cháu. Đều trú tại: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08/3/2021, Trần Văn A đi sang nhà mẹ đẻ là bà Lê Thị N, sinh năm 1961 ở sát bên cạnh nơi ở của Văn A thuộc thôn Q, xã Đ, huyện K nhằm mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc vợ chồng bà N không ở nhà, Văn A đi lên tầng 2 của ngôi nhà thì thấy cửa phòng ngủ bà N khóa. Văn A nảy sinh ý định phá khóa cửa để đi vào bên trong nên Văn A đi sang nhà anh Vũ Đức Q, sinh năm 1985 ở cùng thôn mượn 01 chiếc máy cắt cầm tay. Anh Q không biết Văn A dùng chiếc máy cắt vào mục đích phạm tội nên đồng ý cho mượn. Văn A quay về nhà bà N rồi lấy 01 ổ điện nối từ hành lang tầng 1 đến trước cửa phòng ngủ của bà N để cắm máy cắt. Sau đó Văn A sử dụng máy cắt cưa đứt phần móc quai cửa phòng. Văn A dùng 01 thanh kim loại hình chữ L (dạng then chốt cửa) có sẵn ở hành lang cậy vênh móc quai ra rồi đẩy cửa đi vào phòng ngủ. Quan sát thấy có 01 chiếc túi xách để trên mặt két sắt, Văn A mở chiếc túi lấy 01 dây chuyền đeo cổ và 01 dây dạng lắc tay bằng kim loại màu sáng, 02 căn cước công dân mang tên bà Lê Thị N và ông Trần Văn B cho vào túi quần đang mặc. Thấy dưới gầm giường của bà N có 01 con lợn sứ để tiền tiết kiệm, Văn A mang con lợn sứ về ngôi nhà cấp 4 mà Văn A đang ở rồi đập vỡ con lợn lấy được tổng số 1.800.000 đồng. Sau đó Văn A mang trả máy cắt cho anh Q rồi đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 ở Phố Phủ, Thị trấn Khoái Châu nhờ chị L chuyển 300.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MB của Văn A để Văn A nạp tiền chơi "Game online", số tiền còn lại Văn A đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, bà Lê Thị N có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ: 01 thanh kim loại hình chữ L màu đen có chiều dài khoảng 35 cm, đường kính khoảng 1,7 cm; 01 cuộn dây điện được nối từ các đoạn dây điện màu vàng, màu đen, một đầu có phích cắm màu đen, đầu còn lại là ổ điện màu trắng quấn băng dính màu đen; 01 con lợn đất màu trắng đã bị vỡ làm nhiều mảnh tại nơi ở của Văn A.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Văn A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 căn cước công dân; 01 sợi dây chuyền và 01 dây đeo tay bằng kim loại màu trắng sáng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng, 01 ví giả da. Cơ quan điều tra đã trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định 02 sợi dây kim loại mà Văn A đã trộm cắp.

Tại bản kết luận giám định số 1944/C09-P4 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- 01 dây đeo tay bằng kim loại màu trắng dài khoảng 15cm được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau và có móc khóa hình chữ S gửi giám định, trong đó:

+ Dây đeo tay có tổng khối lượng 4,48 gam là bạc (Ag), hàm lượng trung bình Ag; 98, 77%. Ngoài ra còn có đồng (Cu), hàm lượng trung bình Cu: 1,23%.

+ Móc khóa hình chữ S có khối lượng 0,48 gam là hợp kim bạc (Ag), đồng (Cu) kẽm (Zn); hàm lượng Ag: 84,64%, Cu: 9,43%, Zn: 5,93%.

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng dài khoảng 40cm được chế tác dạng mắt xích nối với nhau và có móc khóa hình chữ S; dây có treo 01 mặt hình mặt mèo bằng kim loại màu trắng gắn nhiều viên vật liệu nhỏ không màu và 05 viên vật liệu màu đỏ gửi giám định, trong đó:

+ Dây chuyền bằng kim loại màu trắng dài khoảng 40cm được chế tác dạng mắt xích nối với nhau và có móc khóa hình chữ S có tổng khối lượng 5,08 gam đều là bạc (Ag); hàm lượng trung bình Ag: 96,47%. Ngoài ra còn có đồng (Cu), hàm lượng trung bình Cu: 3,53%.

+ Một mặt hình mặt mèo bằng kim loại màu trắng gắn nhiều viên vật liệu nhỏ không màu và 05 viên vật liều màu đỏ có tổng khối lượng là 2,46 gam (tính cả các vật liệu nhỏ không màu và màu đỏ), phần kim loại màu trắng là hợp kim bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Ag: 92, 13%, Cu: 6,32%, Zn: 1, 55%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL – ĐG ngày 11/04/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Khoái Châu kết luận: 01 dây đeo tay bằng kim loại màu trắng dài khoảng 15cm được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau và có móc khóa hình chữ S có giá trị tại thời điểm ngày 08/3/2021 là 92.000 đồng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng dài khoảng 40cm được chế tác dạng mắt xích nối với nhau và có móc khóa hình chữ S, dây có treo 01 mặt hình mặt mèo bằng kim loại màu trắng gắn nhiều viên vật liệu nhỏ không màu và 05 viên vật liệu màu đỏ có giá trị tại thời điểm ngày 08/3/2021 là 135.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên tại thời điểm ngày 08/3/2021 là 227.000 đồng.

Đối với anh Vũ Đức Q: Khi cho Văn A mượn máy cắt, anh Q không biết Văn A sử dụng máy vào mục đích phạm tội; Chị Nguyễn Thị L không biết nguồn gốc số tiền Văn A trả chị là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Q và chị L.

Về vật chứng: Qúa trình điều tra xác định chiếc điện thoại Iphone 6 màu trắng thuộc sở hữu của cháu ruột Văn A là chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 2005 ở thôn C, xã T, huyện K đã cho Văn A mượn để sử dụng; 02 thẻ căn cước là của bố mẹ đẻ Văn A là ông Trần Văn B và bà Lê Thị N; 01 sợi dây chuyền và 01 dây đeo tay thuộc sở hữu của bà Lê Thị N; 01 chiếc máy cắt cầm tay bằng kim loại thuộc sở hữu của anh Vũ Đức Q. Ngày 23/3/2021 Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản nêu trên cho các chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 chiếc thanh kim loại hình chữ L; 01 cuộn dây điện có ổ cắm màu trắng; 01 con lợn tiết kiệm đã bị vỡ nhiều mảnh; 01 chiếc ví giả da xác định liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị N không yêu cầu Văn A phải bồi thường dân sự đối với số tiền bị trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số: 49/QĐ-VKS – HS, ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Trần Văn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Văn A và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo A từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 09/3/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo A; Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị N và ông Trần Văn B không yêu cầu Văn A phải bồi thường dân sự đối với số tiền bị trộm cắp, nhưng đây là tiền thu lời bất chứng nên cần truy thu sung quỹ nhà nước; Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kim loại hình chữ L; 01 cuộn dây điện có ổ cắm màu trắng; 01 con lợn tiết kiệm đã bị vỡ nhiều mảnh; 01 chiếc ví giả da.

[2] Bị cáo A nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

[3] Người bị hại bà Lê Thị N trình bày: Số tiền trong con lợn đất mà bị cáo A lấy là tiền vợ chồng tôi để dành để cho cháu ngoại sau này, nhưng cháu A đã lấy và tiêu hết rồi thì vợ chồng tôi không yêu cầu cháu A trả lại cho vợ chồng tôi.

[4] Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay còn có người bị hại là ông Trần Văn B và những người làm chứng là anh Vũ Đức Q, ông Vũ Đức T, cháu Nguyễn Thị Y và người giám hộ cho cháu Y và chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Văn A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, đơn trình báo và lời khai của người bị hại, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08/3/2021, tại thôn Q, xã Đ, huyện K, Trần Văn A đã trộm cắp 01 con lợn tiết kiệm, bên trong có 1.800.000đ và 01 sợi dây chuyền; 01 dây đeo tay bằng kim loại có tổng trị giá là 227.000đ của bà Lê Thị N sinh năm 1961 và ông Trần Văn B sinh năm 1961. Tổng trị giá tài sản mà Văn A trộm cắp là 2.027.000đ. Mặc dù, giá trị trộm cắp lần này của bị cáo là 2.027.000đ. Tuy nhiên, tại bản án số 04/2019/HSST ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã xác định bị cáo tái phạm nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Trần Văn A theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 49/QĐ-VKS – HS, ngày 06/5/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đang trong độ tuổi lao động, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập tự nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng chỉ vì ham chơi, đua đòi muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác nên bị cáo đã lợi dụng lúc người bị hại đồng thời cũng chính là bố mẹ đẻ của bị cáo không có nhà, bị cáo có hành vi lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại để lấy tiền tiêu tài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo tái phạm nguy hiểm nhưng đã được xác định là định khung hình phạt nên không bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[4.3] Xét về nhân thân: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo A là người có nhân thân xấu, lười lao động, đã từng nhiều lần được giáo dục bằng pháp luật bởi chính hành vi sâm phạm quyền sở hữu, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để nghiêm khắc sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục thực hiện cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu về mức hình phạt và điều luật áp dụng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị N và ông Trần Văn B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.800.000đ bị cáo đã lấy trong con lợn tiết kiệm của ông bà nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về vật chứng: Đối với 01 chiếc thanh kim loại hình chữ L; 01 cuộn dây điện có ổ cắm màu trắng; 01 con lợn tiết kiệm đã bị vỡ nhiều mảnh; 01 chiếc ví giả da là phương tiện, công cụ phạm tội nhưng không có giá trị, ông B, bà N không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đối với số tiền 1.800.000đ bị cáo lấy được trong con lợn tiết liệm, mặc dù bà N và ông B không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông bà. Tuy nhiên, đây là tiền bất chính không thể để bị cáo hưởng lợi, nên cần truy thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo Văn A phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ**:** Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn A (Tên gọi khác: A) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử Phạt: Bị cáo 03 (Ba) năm tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 09/3/2021).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Văn A.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị N và ông Trần Văn B không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kim loại hình chữ L; 01 cuộn dây điện có ổ cắm màu trắng; 01 con lợn tiết kiệm đã bị vỡ nhiều mảnh; 01 chiếc ví giả da.

Truy tịch thu đối với bị cáo số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKSKC, ngày 06/5/2021)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo, bà Lê Thị N có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2021). Báo cho ông Trần Văn B vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh HY;*
- *VKSND tỉnh HY;*
- *VKSND huyện K/C*
- *Trại tạm giam CA tỉnh HY;*
- *CA huyện K/C.*
- *Chi cục THADS huyện K/C;*
- *UBND xã Ông Đình;*
- *Bị cáo; người bị hại;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*